

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 11 - 11 - 2024

V/v: “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 24/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07/10/2024, về việc “Chia tài sản sau ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT, ngày 23/10/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà H Delly N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn M, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Y Đâng B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Buôn H, xã Cư M, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng P – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch M’Đrăk, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đông Đắk Lắk – có mặt;

Địa chỉ: 157 Nguyễn T, thị trấn Đ, huyện M’Đrăk, tỉnh, Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Y Bak B, sinh năm 1969. Địa chỉ : Buôn Đ – H, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Phạm Văn D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà H Dzoelly N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Buôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà H Cam N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Buôn R, thị trấn , huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- + Bà H Chu N, sinh năm 1972. Địa chỉ : Buôn K, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên.
 - + Ông Y Tuyên N, sinh năm 1980. Địa chỉ : Buôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.
 - + Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.
- * Kháng cáo: Do có kháng cáo của bị đơn ông Y Đương B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H Delly N trình bày:***

Ông Y Đương B và bà H Delly N kết hôn với nhau năm 2013. Đến tháng 5/2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên không còn chung sống. Đến ngày 29/9/2023 ông bà ly hôn theo Quyết định số 91/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Đ. Bà H D có yêu cầu giải quyết vấn đề chia nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết đã rút yêu cầu vì nợ chưa đến hạn thanh toán, ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà H D quản lý tất cả các chi tiêu để phục vụ toàn bộ nhu cầu thiết yếu và các giao dịch trong gia đình để tạo nên tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Những giao dịch có giá trị lớn đều thông báo cho ông Y Đ. Ông Y Đ đều biết và nhất trí không có ý kiến gì. Thu nhập bình quân của bà H D 17.000.000đồng/tháng. Ngoài thu nhập từ lương thì vợ chồng không có khoản thu nhập nào khác nên phải vay thêm để trang trải cuộc sống gia đình và mua sắm đồ dùng trong nhà.

Từ năm 2020 đến năm 2021 gia đình bà xây dựng nhà và các công trình liên quan. Toàn bộ tiền xây nhà, công thợ, mua sắm đồ dùng sinh hoạt, vật dụng trong gia đình do bà H D tự tính toán chi trả trong khả năng kinh tế của gia đình đồng thời vay thêm để thanh toán. Do thu nhập từ lương của ông Y Đ rất thấp nên không hỗ trợ gì được trong việc thanh toán các khoản tiền mua sắm và xây nhà.

Ngày 14/9/2021, bà H D vay Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đông Đắk Lắk phòng giao dịch M (viết tắt là Ngân hàng) 50.000.000 đồng vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD, thời hạn 24 tháng, hình thức vay trừ lương hàng tháng của bà H D, mục đích vay tiêu dùng. Bà H D sử dụng tiền vay để mua bộ sofa, tủ lạnh (tủ lạnh mua lại đồ cũ), bộ bàn ghế ăn 3 băng gỗ và mua heo giống. Ông Y Đ biết và cùng sử dụng chung mà không có ý kiến gì. Ông Y Đ vẫn đang sử dụng bộ sofa, bộ bàn ghế ăn 3 băng bằng gỗ. Từ tháng 5/2023, bà H D tự thanh toán bằng lương của mình và đã trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi vào ngày 14/9/2023.

Ngày 19/7/2022, bà H D vay Ngân hàng 170.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/HĐTD, thời hạn vay 60 tháng, hình thức vay trừ lương hàng tháng của bà H D. Bà H D sử dụng tiền vay để trả nốt tiền công thợ làm nhà gồm: công thợ làm nhà gỗ 65.000.000 đồng, công thợ xây nhà 45.000.000đồng, trả tiền làm cửa gỗ 40.000.000đồng, công thợ phun PU lại toàn bộ căn nhà gỗ 20.000.000đồng. Tính đến ngày xét xử 26/6/2024, bà H D còn nợ tiền gốc 104.000.000đồng.

Các khoản vay nêu trên bà H D vay đều với mục đích nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình cũng như phát triển khối tài sản chung của gia đình trong khi ông Y Đ biết mà không hỗ trợ được gì.

Do đó, bà H Dely khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết, buộc ông Y Đ phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD và số 01/2022/4794807/HĐTD là (50.000.000 đồng + 170.000.000 đồng = 220.000.000 đồng) = 110.000.000 đồng.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Y Đ trình bày:**

Trong thời kỳ hôn nhân, bà H D người giữ tiền để chi tiêu tất cả các nhu cầu của gia đình. Ông Y Đ không có thu nhập nào khác ngoài làm hợp đồng bảo vệ với thu nhập bình quân khoảng 3.000.000đồng/tháng nên đóng góp không đáng kể. Tất cả các giao dịch của gia đình như khoản tiền làm nhà, mua sắm nội thất và các vật dụng trong nhà bà H D tự tính toán trả, không trao đổi nên ông Y Đ không biết cụ thể. Các khoản thu tiền cưới, tiền tân gia và khoản tiền chuyên nhượng đất, bà H D tự thu tự chi, ông Y Đ không được sử dụng.

Về các khoản vay đối với các hợp đồng tín dụng mà bà H D yêu cầu chia thì ông Y Đ không được biết, bà H D vay tiền không thông báo, không có chữ ký của ông Y Đ. Ông Y Đ không biết bà H Dely sử dụng vào tiền vay vào mục đích gì nên không liên quan và không có nghĩa vụ trả nợ cùng và cũng không có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho bà H D.

Tài sản chung đã chia nên ông Y Đ không có ý kiến và tranh chấp.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Ngân TMCP Đ – Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Anh T trình bày:**

Ngày 14/9/2021, bà H D ký hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD, vay Ngân hàng 50.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng, hình thức vay trừ lương hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng (gói y tế). Bà H D thanh toán bằng lương của mình và đã trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi vào ngày 14/9/2023. Ngày 23/9/2023 đã tất toán xong.

Ngày 19/7/2022, bà H D ký hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/HĐTD, vay Ngân hàng 170.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 17/7/2021 đến ngày 17/7/2027), vay trừ lương hàng tháng để tiêu dùng. Đến ngày 27/3/2024, còn dư nợ gốc và lãi 114.241.000 đồng.

Do hợp đồng tín dụng do bà H D ký và nguồn trả nợ từ thu nhập lương của bà H D, nên trách nhiệm và nghĩa vụ do cá nhân bà H D thực hiện đến khi tất toán xong món vay.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28;Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 87; 147; 227; 228; 266 và Điều 273 của BLTTDS;

- Căn cứ các Điều 27, 30, 37 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H D: Buộc bị đơn ông Y Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H D 110.000.000đồng tiền nợ gốc mà bà H D đã vay của Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân. Cụ thể:

+ Số tiền 25.000.000đồng nợ gốc trong khoản vay 50.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đông Đắk Lắk, phòng giao dịch M ngày 14/9/2021.

+ Số tiền 85.000.000đồng nợ gốc trong khoản vay 170.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/ HĐTD tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đông Đắk Lắk, phòng giao dịch M ngày 19/7/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Y Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà H D 2.750.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số AA/2022/0000684 ngày 03/01/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 05/07/2024 bị đơn ông Y Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm; bị đơn ông Y Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Bị đơn ông Y và nguyên đơn bà H D đều thừa nhận nguyên đơn là người trực tiếp quản lý kinh tế gia đình, chi trả tất cả các khoản tiền phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Những khoản tiền được sử dụng để chi trả trong thời kỳ hôn nhân, chủ yếu từ thu nhập của nguyên đơn và tiền đi vay mượn. Quá trình sinh sống, nguyên đơn có 02 khoản vay, gồm: Khoản vay 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD ngày 14/9/2021 và khoản

vay 170.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/HĐTD ngày 19/7/2022 tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đông Đắk Lắk, phòng giao dịch M. Nguyên đơn trình bày đã sử dụng số tiền vay để phục vụ những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống thường ngày, trang trải cuộc sống gia đình, tạo lập tài sản chung của vợ chồng như: xây nhà, công trình liên quan và mua sắm các trang thiết bị, vật dụng trong gia đình. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù bị đơn cho rằng không biết, không ký hợp đồng vay và không sử dụng số tiền vay, nhưng trên thực tế bị đơn đã sử dụng và đã được chia những tài sản hình thành từ số tiền này. Theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 và Khoản 2 Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Các khoản vay nợ mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tính đến khi vợ chồng không còn chung sống (tháng 5/2023) vẫn còn tồn tại, nguyên đơn vẫn tự mình trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi ly hôn mà không được sự hỗ trợ từ bị đơn.

Do đó, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc mà nguyên đơn đã vay của Ngân hàng B trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y Đ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Y Đ. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Y Đ về việc không đồng ý thanh toán số tiền 110.000.000 đồng nợ chung cho bà H D thì thấy:

Bà H D và ông Y Đ kết hôn với nhau vào năm 2013 và ly hôn vào ngày 29/9/2023.

Ngày 14/9/2021, bà H D ký hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD, vay Ngân hàng 50.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng, hình thức vay trừ lương hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng (gói y tế). Bà H D thanh toán bằng lương của mình và đã trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi vào ngày 14/9/2023.

Ngày 19/7/2022, bà H D ký hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/HĐTD, vay Ngân hàng 170.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 17/7/2021 đến ngày 17/7/2027), vay trừ lương hàng tháng để tiêu dùng. Đến ngày 27/3/2024, còn dư nợ gốc và lãi 114.241.000đồng.

Từ đó có thể thấy hai khoản vay nêu trên là có thật và đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H D và ông Y Đ với mục đích vay để tiêu dùng.

Cũng trong thời kỳ hôn nhân bà H D đã mua sắm các vật dụng trong gia đình như bộ sofa, tủ lạnh (tủ lạnh mua lại đồ cũ), bộ bàn ghế ăn 3 băng gỗ và mua heo giống; xây nhà, hàng rào trong đó có nhiều khoản như công thợ làm nhà gỗ 65.000.000đồng, công thợ làm nhà xây 45.000.000đồng, tiền cửa gỗ 40.000.000đồng, công thợ phun PU lại toàn bộ căn nhà gỗ 20.000.000đồng. Với những khoản chi liên tục và lớn như vậy thì với thu nhập từ lương của bà H D và ông Y Đ là không thể chi trả được vì còn nhiều khoản khác trong gia đình cần dùng đến tiền như nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình..... Do đó, có căn cứ để xác định rằng hai khoản vay của bà H D là để phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của cả gia đình nên đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của bà H D và ông Y Đ và buộc ông Y Đ phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà là có căn cứ.

Ông Y Đ cho rằng việc bà H D thực hiện các khoản vay ông không biết và cũng không được sử dụng số tiền này nhưng không chứng minh được bởi với thu nhập thấp của ông cùng với lương của bà H D không thể có đủ nguồn tiền để xây dựng nhà cửa, mua sắm vật dụng có giá trị trong gia đình, Mặt khác tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2023 cũng thể hiện tài sản chung của vợ chồng bà H D và ông Y Đ có nhà sàn, nhà xây, công trình phụ, sân, cổng, hàng rào, mái che cùng nhiều đồ dùng khác trong gia đình có giá trị và chia cho ông Y Đ được sử dụng, sở hữu phù hợp với lời trình bày của bà H D.

Vì vậy, kháng cáo của ông Y Đ cho rằng việc bà H D vay tiền và chi tiêu sử dụng vào mục đích gì ông không biết và không được bà H D thông báo nên ông không liên quan đến khoản nợ này là không cơ sở để chấp nhận.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y Đ, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Y Đ được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y Đ; giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 87; 147; 227; 228; 266 và Điều 273 của BLTTDS;

- Căn cứ các Điều 27, 30, 37 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H D:

- Buộc bị đơn ông Y Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H D 110.000.000đồng tiền nợ gốc mà bà H D đã vay của Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân. Cụ thể:

+ Số tiền 25.000.000đồng nợ gốc trong khoản vay 50.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/4794807/HĐTD tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đông Đắk Lắk, phòng giao dịch M ngày 14/9/2021.

+ Số tiền 85.000.000đồng nợ gốc trong khoản vay 170.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/4794807/ HĐTD tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đông Đắk Lắk, phòng giao dịch M ngày 19/7/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Y Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà H D 2.750.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số AA/2022/0000684 ngày 03/01/2024.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Y Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thanh Hà